

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 157/2018/DS-PT

Ngày: 10/10/2018

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Ông Trần Bình Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Danh L, sinh năm 1963 (Có mặt)

2. Bà Thị H, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

3. Anh Danh H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

4. Anh Danh D, sinh năm 1986 (Có mặt)

5. Anh Danh Đ, sinh năm 1988 (Có mặt)

6. Chị Thị M, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Bình, ấp Thạnh L, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M là ông Danh L theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2016.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Tấn L - Văn phòng luật sư Dương Tấn L, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Bà Thị E, sinh năm 1958 (Có mặt)

2. Ông Danh U, sinh năm 1937 (Có mặt)

3. Anh Danh Th (Xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Bình, ấp Thạnh L, huyện C, Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1977 (Xin xét xử vắng mặt)

2. NLQ2, sinh năm 1981 (Xin xét xử vắng mặt)

3. NLQ3, sinh năm 1985 (Có mặt)

4. NLQ4, sinh năm 1987 (Xin xét xử vắng mặt)

5. NLQ5, sinh năm 1989 (Xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Bình, ấp Thạnh L, huyện C, Kiên Giang.

6. NLQ6, sinh năm 1935 (mẹ bà Thị E và ông Danh L) (Xin xét xử vắng mặt).

7. NLQ7, sinh năm 1965 (em gái bà Thị E và ông Danh L) (Xin xét xử vắng mặt).

8. NLQ8 (chết năm 2003) (em gái bà Thị E, chị gái ông Danh L).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Bình, ấp Thạnh L, huyện C, Kiên Giang.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của NLQ8:*

1. NLQ 8.1, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

2. NLQ 8.2, sinh năm 1980 (Xin xét xử vắng mặt).

3. NLQ 8.3, sinh năm 1983 (Có mặt)

4. NLQ 8.4, sinh năm 1985 (Xin xét xử vắng mặt).

5. NLQ 8.5, sinh năm 1994 (Xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Bình, ấp Thạnh L, huyện C, Kiên Giang.

- Người phiên dịch: Ông Danh M - chuyên viên Sở Ngoại vụ tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Danh L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích là 1.175,9m² là của cha mẹ cho ông từ năm 1974 đến nay, ông sử dụng để làm đường ra ruộng, vào năm 2007 thì gia đình bà Thị E lấn chiếm phần đất trên của ông và ông có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết từ đó đến nay. Phần đất tranh chấp trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K450632, tờ bản đồ số 6, thửa 106 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/8/1998 do ông Danh L đứng tên, với diện tích là 3.150m² tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, huyện C, Kiên Giang. Hiện tại gia đình ông L

đang sử dụng thực tế phần đất có diện tích khoảng 1.400m², gia đình bà E đã sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 2000 đến nay. Trước đây vào năm nào ông không nhớ thì gia đình bà Thị E, ông Danh U có chuyển nhượng một phần đất của bà M nhưng phần đất chuyển nhượng của bà M là phần đất nhà ông U, bà M đang ở không liên quan đến phần đất ông đang tranh chấp với bà E, ông U.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L yêu cầu ông U, bà E phải trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm là 1.175,9m² tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, Châu Thành, Kiên Giang. Ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh Danh Th vì ông Thuận không còn ở trên đất tranh chấp.

** Bị đơn ông Danh U và bà Thị E trình bày :* Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ bà E tên Danh C và Thị S cho vợ chồng ông bà sử dụng từ trước năm 1975 đến nay, không có ai tranh chấp, khi cha bà E cho bà phần đất tranh chấp thì không làm giấy tờ. Trước đây phần đất tranh chấp chỉ là đất lung bèo, vườn tạp diện tích khoảng 400m² nhưng sau khi cha bà cho bà sử dụng thì bà đã ban đất ra nhiều lần nên phần đất tranh chấp mới có diện tích nhiều hơn so với trước đây. Sau này vợ chồng bà cho con trai Danh Th cất nhà ở trên phần đất này nhưng từ khi ông Danh L tranh chấp đến nay thì Danh Th đã dỡ nhà đi nơi khác ở.

Năm 1976 ông bà có chuyển nhượng của bà M và ông Danh N một thửa đất ruộng nằm giáp ranh với phần đất tranh chấp, với giá là 20 gia lúa. Sau khi chuyển nhượng thì ông bà san lấp đất và sử dụng để cất nhà ở và làm vườn, khi chuyển nhượng thì bà M có chỉ ranh giới rõ ràng và ông L có biết việc gia đình ông bà chuyển nhượng đất của bà M. Vào năm 1998 thì ông bà có đi đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm cả phần đất tranh chấp và đất chuyển nhượng của bà M và ông bà có đăng ký là hơn 01 công đất. Sau đó, ông bà được Ủy ban nhân dân huyện C huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 883747, tờ bản đồ số 06, thửa 105, diện tích 1.460m², ngày 31/8/1998 cho hộ ông (bà) Danh U đứng tên. Hiện tại ông bà không biết phần đất tranh chấp có nằm trong giấy chứng nhận QSD đất trên của ông bà hay không thì ông bà không biết rõ. Phần đất nhà ông bà đang ở là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng của ông bà, phần đất này ông bà được tập đoàn chia, hiện ông bà đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất ruộng tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn ở xã Mong T, huyện C, Kiên Giang.

Nay ông bà không đồng ý theo yêu cầu của ông Danh L, vì phần đất tranh chấp trên ông bà đã sử dụng từ năm 1976 cho đến nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông bà không có thời gian và tiền bạc đi lại nên ông bà không làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần đất trên cho ông bà. Ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 25-11-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Danh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ3, NLQ5 trình bày:

Các anh chị xác nhận vào năm 1976 thì cha mẹ các anh chị là ông Danh U và bà Thị E có chuyển nhượng của bà M và ông Danh N một thửa đất ruộng với giá là 20 gia lúa. Sau khi chuyển nhượng xong thì ông U và bà E san lấp đất và sử

dụng để cất nhà ở và làm vườn, khi chuyển nhượng thì bà M có chỉ ranh giới rõ ràng và ông L có biết việc ông U và bà E chuyển nhượng đất của bà M. Vào năm 1998 thì ông U và bà E có đi đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hơn 01 công đất. Sau đó ông U và bà E được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 883747, tờ bản đồ số 06, thửa 105 diện tích là 1.460m² cấp vào ngày 31/8/1998 cho hộ ông (bà) Danh U đứng tên. Vào năm 1993 thì ông U và bà E có cho Danh Th cất nhà tạm ở trên phần đất tranh chấp nhưng hiện tại Danh Th đã di dời đi nơi khác.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông U và bà E trả lại phần đất đã lấn chiếm là 1.175,9m² thì các anh chị xác nhận ông U và bà E không lấn chiếm phần đất trên của ông Danh L và không đồng ý theo yêu cầu của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại bản tự khai ngày 25/11/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay NLQ3 trình bày: Anh Bình thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông bà Thị E và ông Danh U.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án NLQ6 trình bày: Bà S là vợ ông Danh C (chết), bà và ông C sống với nhau có 04 người con tên Thị E, Danh L, Thị H và Thị K. Ông bà chung sống với nhau được một thời gian thì ông bà có mâu thuẫn nên bà không sống với ông C từ khoảng năm 1968 cho đến nay, các con của bà thì sống cùng ông Danh C. Trong quá trình sống chung thì ông bà có tạo dựng được một phần đất trong đó có phần đất tranh chấp nhưng từ khi bà không sống với ông C nữa thì bà để lại toàn bộ tài sản cho ông C quản lý và sử dụng, bà không đem theo bất cứ cái gì. Sau này bà có nghe con cháu nói lại là ông C có cho bà E phần đất tranh chấp và bà E có mua một phần đất nữa giáp với đất tranh chấp, ngoài ra bà không biết rõ ông Danh C có cho phần đất tranh chấp trên cho bà E hay không.

Nay ông Danh L và bà Thị E tranh chấp phần đất trên thì bà không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ kiện này. Bà không còn liên quan đến tài sản của ông Danh C nữa nên bà xin từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt trong các lần hòa giải và xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ7 trình bày: Bà là em gái của ông Danh L và bà Thị E. Cha mẹ bà tên Danh C (chết năm 2000) và mẹ tên Thi S. Cha mẹ bà sống với nhau được 4 người con tên Danh L, Thị E, Thị H và bà, bà H đã chết. Cha mẹ bà sống với nhau một thời gian và sau khi có 4 chị em bà thì cha mẹ bà không sống với nhau nữa, cha bà quản lý toàn bộ phần đất tranh chấp, phần đất ông L đang ở và sử dụng.

Khi cha bà còn sống thì cha bà có cho ông L nhà và đất mà ông L đang ở và cho bà E phần đất đang tranh chấp, cha bà cho bà E phần đất tranh chấp vào năm nào thì bà không nhớ rõ nhưng bà E đã sử dụng được hơn 20 năm nay và không có ai tranh chấp. Phần đất nhà của bà E hiện nay là bà E mua của ông Danh N và bà M vào năm nào thì bà không biết rõ, sau khi mua thì bà E cất nhà ở cho đến nay.

Nay giữa ông L và bà E tranh chấp với nhau phần đất trên thì bà không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ kiện này, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà E phần đất tranh chấp trên, ngoài ra bà không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ8 là NLQ 8.1 trình bày: Ông Hiền xác nhận vợ ông là NLQ8 đã chết vào năm 2003, cha vợ ông là ông Danh C chết năm nào ông không nhớ rõ, mẹ vợ ông là NLQ6. Ông C và Bà S sống với nhau được 04 người con tên Thị E, Danh L, Thị H và Thị K, cha mẹ vợ ông sống với nhau được một thời gian nhưng sau đó có mâu thuẫn nên ông C và Bà S không sống với nhau nữa, toàn bộ tài sản của ông C và Bà S là phần đất nhà ông L đang ở và phần đất đang tranh chấp thì do ông C quản lý và sử dụng. Bà E khi lập gia đình thì sống chung với ông L và ông C tại căn nhà mà ông L đang ở hiện nay nhưng sau đó ông L đuổi gia đình bà E ra khỏi nhà, do đó bà E đã mua của ông Danh N và bà M phần đất giáp với phần đất tranh chấp để cất nhà ở. Vào khoảng năm 1982 thì ông C cho bà E phần đất đang tranh chấp để sử dụng, còn căn nhà của ông C thì ông C cho ông L sử dụng, sau đó ông C qua nhà NLQ7 sống cho đến khi ông C chết.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông có 04 người con tên NLQ 8.2, NLQ 8.3, NLQ 8.4 (Thị Th) và NLQ 8.5 (Thị D).

Nay ông L và bà E tranh chấp phần đất trên thì ông xác nhận ông C đã cho phần đất tranh chấp cho bà E sử dụng từ trước đến nay. Ông không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ kiện này, ông không có liên quan đến phần đất trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ8 là NLQ 8.2, NLQ 8.5 và NLQ 8.4 trình bày: Các anh chị xác nhận là cháu của ông Danh L, bà Thị E, mẹ của các anh chị là NLQ8 đã chết vào năm 2003. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông L và bà E thì các anh chị chỉ nghe cha các anh chị nói lại là của ông bà ngoại các anh chị để lại cho bà E sử dụng từ khoảng năm 1982 đến nay, bà E sử dụng không có ai tranh chấp, hiện bà E được cấp giấy chứng nhận QSD đất hay chưa thì các anh chị hoàn toàn không biết rõ.

Nay giữa ông L và bà E tranh chấp với nhau phần đất trên thì các anh chị không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ kiện này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ8 là anh Danh Gỏi trình bày: NLQ 8.3 là cháu của ông Danh L, bà Thị E, mẹ của anh là NLQ8 đã chết vào năm 2003. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông L và bà E thì anh chỉ nghe cha anh nói lại là của ông bà ngoại anh để lại cho bà E sử dụng từ khoảng năm 1982 đến nay, bà E sử dụng không có ai tranh chấp, hiện bà E được cấp giấy chứng nhận QSD đất hay chưa thì anh hoàn toàn không biết rõ.

Nay giữa ông L và bà E tranh chấp với nhau phần đất trên thì anh không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ kiện này.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc ông Danh U, bà Thị E trả lại phần đất tranh chấp đã lấn chiếm là 1.175,9m² tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, Châu Thành, Kiên Giang.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M yêu cầu bị đơn Danh Th trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích là 1.175,9m² tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, Châu Thành, Kiên Giang do nguyên đơn Danh L đồng thời là người đại diện của đồng nguyên đơn bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M rút đơn khởi kiện.

- Xử tạm giao cho ông Danh U và bà Thị E được quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.175,9m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, huyện C, Kiên Giang.

- Án sơ thẩm có nêu chiều dài các cạnh và vị trí tiếp giáp theo sơ đồ bản vẽ.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* *Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 22/6/2018 các nguyên đơn ông Danh L, bà H, anh H, anh D, anh Đ và chị M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và buộc ông Danh U, bà Thị E trả lại cho các nguyên đơn phần diện tích đất 1.175,9m² tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Vì bản án sơ thẩm xử hoàn toàn không đúng thực tế, không đúng pháp luật và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Luật sư Lộc tranh luận cho rằng: Kháng cáo của ông Danh L là đúng pháp luật, vì phần đất tranh chấp diện tích 1.175,9m² tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, huyện C, tỉnh Kiên Giang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Danh L, tại thời điểm cấp giấy không có ai tranh chấp và cũng thời điểm này phía bà Thị E cũng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Thị E không có tranh chấp, khiếu nại. Tòa án cấp sơ thẩm tạm giao phần đất tranh chấp cho bà Thị E sử dụng là trái pháp luật, vì Tòa án chỉ có thẩm quyền giải quyết công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh L, sửa bản án sơ thẩm và buộc bà Thị Lết, ông Danh U trả diện tích đất tranh chấp cho hộ ông Danh L..

Phía bị đơn ông Danh U và bà Thị E đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của các nguyên đơn ông Danh L, bà H, anh H, anh D, anh Đ và chị M và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí tính sai.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng, phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 1.175,9m² tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, huyện C, tỉnh Kiên Giang theo các bên đương sự trình bày là của ông Danh C (chết năm 2000), NLQ6 là cha mẹ của ông Danh L, bà Thị E khai phá sử dụng. Theo ông Danh L trình bày thì phần đất này của cha mẹ cho ông từ năm 1974, còn bà Thị E trình bày thì phần đất này cha mẹ cho bà từ năm 1975, nhưng cả hai bên đều không có văn bản chứng cứ chứng minh việc tặng cho quyền sử dụng đất.

[3] Xét nội dung kháng cáo của của vợ chồng và các con ông Danh L, Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản hòa giải ấp Thạnh L ngày 19/7/2014 đã kết luận giữ nguyên hiện trạng diện tích đất ông Danh L tranh chấp cho bà Thị E sử dụng vì bà Thị E đã sử dụng ổn định diện tích đất 498m² (bút lục 05). Căn cứ vào lời khai của NLQ6 ngày 05/10/2017 là mẹ của ông Danh L cũng trình bày phần đất tranh chấp bà đã giao cho ông Danh C là chồng trước của bà sử dụng từ trước năm 1975, sau này bà có nghe con cháu nói lại là ông C có cho bà E phần đất tranh chấp và bà E có mua một phần đất nữa giáp phần đất ông Danh L tranh chấp (bút lục 61). Tại lời khai của NLQ7 là em Danh L và lời khai của NLQ 8.1 (chồng NLQ8 đã chết) là em rể ông Danh L đều xác định khoảng năm 1982 ông Danh C cho ông Danh L phần căn nhà gắn liền phần đất ông C đang ở, sau đó, qua nhà NLQ7 sinh sống đến khi mất, còn bà Thị E có mua phần đất giáp phần đất ông Danh L tranh chấp để cất nhà ở, nên ông C có cho bà Thị E phần đất lung đìa giáp ranh để sử dụng và bà Thị E đã sử dụng ổn định khoảng 20 năm nay không ai tranh chấp (bút lục 55, 59). Về phía ông Danh S là phó trưởng ấp có lời khai ngày 05/10/2017 cũng trình bày về nguồn gốc đất ông Danh L tranh chấp là của ông Danh C, NLQ6, do phần đất này là vườn tạp không ai sử dụng nên bà Thị E vào sử dụng từ năm 1990 đến nay không ai tranh chấp.

[4] Như vậy, việc hộ gia đình ông Danh L tự kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp trong khi hiện trạng quyền sử dụng đất phía gia đình bà Thị E đang sử dụng ổn định và nguồn gốc đất tranh chấp các bên đương sự đều thừa nhận là của cha mẹ để lại, mặc dù Luật sư Lộc cho rằng tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả ông Danh L và bà Thị E

đều được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân huyện C đã có văn bản trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Danh L trong đó có phần đất ông Danh L đang tranh chấp là đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng và vị trí đất, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà gia đình Thị E trả lại đất, nhưng theo hồ sơ thể hiện phía ông Danh L cũng đã thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp của cha mẹ khai phá (bút lục 111) và ông cho rằng phần đất tranh chấp là của cha ông cho, nhưng ông Danh L không có văn bản hoặc chứng cứ chứng minh việc tặng cho đất, trong khi các đồng thừa kế liên quan phần đất tranh chấp đều xác nhận phần đất này là của cha là Danh C cho bà Thị E và gia đình bà Thị E đã sử dụng từ khoảng năm 1982 đến nay, nên không có cơ sở chứng cứ và pháp lý để chấp nhận quan điểm tranh luận của Luật sư Lộc. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ tạm giao phần đất tranh chấp cho bà Thị E tiếp tục sử dụng vì bà E cũng chưa có chứng cứ chứng minh việc cha mẹ bà tặng cho quyền sử dụng đất.

[5] Tuy nhiên, phía đồng nguyên đơn hộ gia đình ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M khởi kiện tranh chấp đòi quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sử dụng đất của ai thì căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận là có sai sót, cần sửa bản án sơ thẩm phần này. Cụ thể, đồng nguyên đơn hộ gia đình ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M phải chịu án phí không giá ngạch 200.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.235.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009599 ngày 05/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang, ông Danh L đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn được nhận lại số tiền 1.035.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận quan điểm tranh luận và đề nghị của Luật sư Lộc, chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông L, bà H, anh H, anh D, anh Đ và chị M, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía Lết, bà H, anh H, anh D, anh Đ và chị M phải nộp mỗi người 300.000 đồng do nội dung kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông L, bà H, anh H, anh D, anh Đ và chị M.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2005; Điều 106, Điều 166 Luật Đất đai 2014; Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh U, bà Thị E trả lại phần đất tranh chấp đã lấn chiếm là 1.175, 9m² tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M yêu cầu bị đơn Danh Th trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích là 1.175, 9m² tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, huyện C, Kiên Giang do nguyên đơn Danh L đồng thời là người đại diện của đồng nguyên đơn bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M rút đơn khởi kiện.

3. Tạm giao cho ông Danh U và bà Thị E được quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.175, 9m², đất tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Diện tích đất có số đo và vị trí như sau:

Cạnh 1 -2 = 4,82m giáp kênh Thủy Lợi R: 5m

Cạnh 2 -3 = 18,44m giáp kênh Thủy Lợi R: 5m

Cạnh 3 -4 = 19,54m giáp đất Danh L

Cạnh 4 -5 = 9,00m giáp đất Danh L

Cạnh 5 -6 = 31,35m giáp đất Thị E

Cạnh 6 -7 = 14,24m giáp đất Thị E

Cạnh 7 -8 = 1,71m giáp đất Thị E

Cạnh 8 -9 = 45,77m giáp đất Danh L

Cạnh 9 -1 = 15,69m giáp kênh Thủy Lợi R: 5m

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Tờ trích đo địa chính vị trí đất tranh chấp ngày 18/8/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi, điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Danh L đúng với diện tích đất thực tế hộ ông Danh L đang sử dụng tại tờ bản đồ số 6, thửa 106 tọa lạc tại ấp Thạnh B, ấp Thạnh L, huyện C, Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/8/1998 cho hộ ông Danh L đứng tên.

4. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc đồng nguyên đơn hộ gia đình ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M phải chịu án phí không giá ngạch 200.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.235.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009599 ngày 05/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang, ông Danh L đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn được nhận lại số tiền 1.035.000 đồng (một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc đồng nguyên đơn hộ gia đình ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M phải chịu án phí mỗi người 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M nộp theo các biên lai thu tiền số 0006526, 0006527, 0006528, 0006529, 0006530, 0006531 cùng ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và chi phí khác tổng cộng các khoản 2.592.000 đồng, phía ông Danh L, bà Thị H, anh Danh H, anh Danh D, anh Danh Đ, chị Thị M phải chịu nộp do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn